

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HS-ST

Ngày: 09-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Gặp – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu L (Tên gọi khác: T); Giới tính: Nam; Sinh ngày 27/3/1987; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: khu phố A, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ văn hóa: Lớp 11/12; Con ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1962 (còn sống); Con bà Huỳnh Thị Ngọc C, sinh năm 1966 (còn sống); Bị cáo không có anh chị em ruột; Bị cáo có vợ là chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1989 (đã ly hôn); Bị cáo chưa có con.

- Tiền sự: Có 01 tiền sự, cụ thể: Theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 278/QĐ-UBND, ngày 24/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (về hành vi trộm cắp tài sản, số tiền 2.500.000 đồng, chưa nộp phạt).

- Tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Minh K – Trợ giúp viên pháp lý – thuộc T tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- *Người bị hại:* Bà Phạm Thị D, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: P, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu L có 01 tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa hết thời hạn được xem là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Khoảng 01 giờ ngày 15/8/2024, Nguyễn Hữu L mượn xe mô tô biển số 71B1-699.20 của Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1985, địa chỉ cư trú: ấp An Vĩnh 1, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nói xuống nhà bạn chơi, được T đồng ý. Sau đó, bị cáo điều khiển xe đến khu vực Bến xe Mỏ Cày thì gặp bạn là Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1989, địa chỉ cư trú: xóm 13, xã Ân Hoà, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình đang đi bộ một mình nên rủ Trường theo chơi. Trên đường đi, Lộc nói với Trường phụ kéo chiếc xe lồng về giùm ông anh sẽ cho 150.000 đồng, Trường đồng ý. Lộc điều khiển xe chở Trường đến nhà bà Phạm Thị D ở ấp P, xã B, huyện Mỏ Cày Nam thấy chiếc xe lồng (dùng để chở heo) ở lối đi vào nhà bà Diệu. Lộc kêu Trường vào kéo xe trên ra Đường ĐA04 để Lộc điều khiển xe chở Trường kéo theo chiếc xe lồng trên về. Khi đến ấp Tân Phú 1, xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam thì bị Công an xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam phát hiện, chuyển cho Công an xã B, huyện Mỏ Cày Nam làm rõ.

Vật chứng và các đồ vật thu giữ gồm:

- Một xe mô tô biển số 71B1-699.20, nhãn hiệu: Honda, loại xe: không rõ, màu xanh; số máy: 1P-52FMIY0262843; số khung: bị cà mất không rõ; đã qua sử dụng.

- Một xe lồng, loại xe kéo tự chế, được làm từ những thanh thép ống mạ kẽm và sắt gân; kích thước: tổng chiều dài xe 2,53m, chiều dài thùng xe 1,73m, chiều rộng thùng xe 0,66m, chiều cao thùng xe 1,07m, chiều dài tay kéo 80cm. Khung sườn xe được làm từ sắt gang phi 34, phần phía dưới khung xe được hàn từ những cây sắt V 4x4cm (05 cây), phần lồng xe được hàn từ những thanh sắt gân phi 14 và phi 8, phần xàng lồng xe được lót bằng tấm Inox, tay kéo được làm từ thép ống mạ kẽm phi 34, phía dưới lắp 02 bánh xe có trục quay; xe có tổng trọng lượng 146kg; đã qua sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 25/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mỏ Cày Nam, kết luận: Một xe lồng, loại xe kéo tự chế có đặc điểm như trên tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 1.460.000 đồng. Bị cáo, bị hại đồng ý kết quả định giá.

Quá trình điều tra xác định ngày 24/8/2023, Nguyễn Hữu L bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, chưa chấp hành quyết định.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Hữu L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và vật chứng thu giữ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 829/QĐ-ĐTTH ngày 25/11/2024, trả cho bà Phạm Thị D 01 xe lồng, loại xe kéo tự chế có đặc điểm như nêu trên. Ngày 14/02/2025, ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 113/QĐ-ĐTTH trả cho ông Nguyễn Hoàng T 01 xe mô tô có đặc điểm như nêu trên (do mẹ ruột nhận thay).

* Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKSMCN ngày 04/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm Cáo trạng đã truy tố và đề nghị:* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173 ; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, do bị cáo không có thu nhập ổn định.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì khác, nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị ghi nhận: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện trả cho bà Phạm Thị D 01 xe lồng, loại xe kéo tự chế có đặc điểm như nêu trên; trả cho Nguyễn Hoàng T 01 xe mô tô biển số 71B1-699.20 có đặc điểm như nêu trên.

- Đối với Nguyễn Hoàng T cho bị cáo mượn xe nhưng không biết bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản; đối với Nguyễn Văn Tr khi thực hiện hành vi kéo chiếc xe lồng ra móc vào cảng sau xe mô tô để bị cáo Lộc điều khiển kéo về nhưng không biết ý định chiếm đoạt xe của bị cáo, cũng không có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên hành vi của T, Tr không cấu thành tội phạm.

* *Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật.*

* *Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo phát biểu:* Thống nhất nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện. Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng mức thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa do bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, ý thức thực hiện hành vi phạm tội đối với tài sản có giá trị không lớn, tài sản đã trả lại cho bị hại, hoàn cảnh kinh tế khó khăn (hộ cận nghèo).

* *Bị cáo Nguyễn Hữu L nói lời sau cùng:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có cơ hội sửa đổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Việc vắng mặt của **bị hại**, bị cáo không có ý kiến và đồng ý xét xử, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt **bị hại**. **Xét thấy người bị hại** đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc xét xử vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại **Điều 292** của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu L thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo; lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Mặc dù có 01 tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa hết thời hạn được xem là chưa bị xử lý vi phạm hành chính nhưng với động cơ tư lợi cá nhân và thái độ xem thường pháp luật nên vào ngày 15/8/2024, Nguyễn Hữu L đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe lồng, loại xe kéo tự chế của bà Phạm Thị D, cư trú ấp P, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có giá trị 1.460.000 đồng. Do đó, Nguyễn Hữu L phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi đã thực hiện.

[4]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5]. Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Hữu L có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức và điều khiển mọi hành vi của mình. Bị cáo phải biết khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, để phục vụ cho nhu cầu, lợi ích cá nhân với động cơ tham lam, sẵn sàng chiếm đoạt tài sản của người khác. Lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại vì vụ lợi. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương, gây dư luận bất an và tâm lý lo lắng hoài nghi trong nội bộ quần chúng nhân dân đối với việc quản lý tài sản.

[6]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Hữu L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hữu L đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8]. Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Nguyễn Hữu L có nhân thân xấu. Cụ thể: Bị cáo 02 lần bị Tòa án đưa đi cai nghiện bắt buộc (đã xoá tiền sự), có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản đã thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, nhằm đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo không có thu nhập, là hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm, không xem xét.

[11]. Về xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện trả cho bà Phạm Thị D 01 xe lồng, loại xe kéo tự chế có đặc điểm như nêu trên là tài sản bị trộm cắp; trả cho Nguyễn Hoàng T 01 xe mô tô biển số 71B1-699.20 có đặc điểm như nêu trên do lúc cho bị cáo mượn xe không biết bị cáo sử dụng xe vào mục đích trộm cắp tài sản.

[12]. Đối với Nguyễn Văn Tr khi thực hiện hành vi kéo chiếc xe lồng ra móc vào cẳng sau xe mô tô để bị cáo điều khiển kéo về nhưng không biết ý định chiếm đoạt xe của bị cáo, cũng không có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên không cấu thành tội phạm.

[13]. Ý kiến của người bào chữa phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

[14]. Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[15]. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Hữu L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên bị cáo được miễn do là hộ cận nghèo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị hại bà Phạm Thị D đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm, không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 829/QĐ-ĐTTH ngày 25/11/2024, trả cho bà Phạm Thị D 01 xe lồng, loại xe kéo tự chế, được làm từ những thanh thép ống mạ kẽm và sắt gân; kích thước: tổng chiều dài xe 2,53m, chiều dài thùng xe 1,73m, chiều rộng thùng xe 0,66m, chiều cao thùng xe 1,07m, chiều dài tay kéo 80cm. Khung sườn xe được làm từ sắt gang phi 34, phần phía dưới khung xe được hàn từ những cây sắt V 4x4cm (05 cây), phần lồng xe được hàn từ những thanh sắt gân phi 14 và phi 8, phần xàng lồng xe được lót bằng tấm Inox, tay kéo được làm từ thép ống mạ kẽm phi 34, phía dưới lắp 02 bánh xe có trục quay; xe có tổng trọng lượng 146kg; đã qua sử dụng.

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 113/QĐ-ĐTTH, ngày 14/02/2025, trả cho Nguyễn Hoàng T 01 xe mô tô biển số 71B1-699.20, nhãn hiệu: Honda, loại xe: không rõ, màu xanh; số máy: 1P-52FMIY0262843; số khung: bị cà mất không rõ; đã qua sử dụng.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu L nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, bị cáo được miễn do là hộ cận nghèo.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ khi nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Công an tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng